

Số: 149/2021/QĐST - HNGĐ

*Huyện K, ngày 26 tháng 10 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN K, TỈNH H**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1990;

- Bị đơn: Anh Bùi Văn C, sinh năm 1989;

Đều trú tại: Xóm K, xã B, huyện Huyện K, Tỉnh H.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và hoà giải thành của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1990 và anh Bùi Văn C, sinh năm 1989, đều trú tại: Xóm K, xã B, huyện Huyện K, Tỉnh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn C có hai con chung là Bùi Thị Bích Ngọc, sinh ngày 18/9/2011 và Bùi Ngọc Bích, sinh ngày 12/9/2015. Chị N và anh C thỏa thuận: Chị Bùi Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là Bùi Thị Bích Ngọc,

sinh ngày 18/9/2011 và Bùi Ngọc Bích, sinh ngày 12/9/2015 cho đến khi con 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Chị Bùi Thị N chưa yêu cầu anh Bùi Văn C cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Văn C được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở mà không gây ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Chị N và anh C xác nhận không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị N và anh C xác nhận không có công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) đã bao gồm phần án phí của anh C, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005389, ngày 05/7/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Huyện K, Tỉnh H. Chị Bùi Thị N được trả lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND Huyện K;
- VKSND tỉnh H;
- Chi cục THADS Huyện K;
- UBND xã B (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự.
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Đà Giang.**